Anốt magiê điện thế cao

Anốt hy sinh magiê điện thế cao cho bảo vệ catốt kết cấu thép chôn ngầm.



Anốt CathPro được chế tạo từ magiê độ tinh khiết cao, tạo điện áp dẫn động cao cho bảo vệ catốt trong đất có điện trở suất cao.

- Chế tạo từ magiê tinh khiết 99%, theo yêu cầu tham chiếu ASTM B843-M1C.
- Điện áp dẫn động cao cho đất khô, đất cát hoặc đất điện trở suất cao.
- Cung cấp anốt trần hoặc cụm đóng gói sẵn kèm cáp và vật liệu lấp.
- Có mẫu tiết diện D và anốt đúc theo yêu cầu.

Jiaozuo Huayu Magnesium Co., Ltd. | Thương hiệu CathPro | www.cathprocp.com

Ứng dụng và dạng cung cấp

Ứng dụng	Ứng dụng
Đường ống thép chôn ngầm	Bể chứa ngầm
Bảo vệ catốt đáy bồn	Bảo vệ ống lồng
Kết cấu thép ngầm	Hệ bảo vệ catốt tạm thời
Khu vực đất khô/đất cát	Kết cấu có các điểm ăn mòn tập trung

Anốt trần: thân hợp kim magiê điện thế cao đúc, có lõi thép hoặc chi tiết nối, theo bản vẽ và yêu cầu dự án.

Cụm đóng gói sẵn gồm thân magiê, nối và làm kín cáp, hỗn hợp vật liệu lấp, túi cotton hoặc bao gói được dự án duyệt, đóng gói và nhãn xuất khẩu.

Dữ liệu kỹ thuật

Anốt dành cho bảo vệ catốt trong đất và thép chôn ngầm khi cần điện áp dẫn động cao hơn. Hợp kim HP thường được chọn cho đất điện trở suất cao, đất khô/cát và kết cấu có nhiều điểm ăn mòn cục bộ.

Hạng mục	Tham chiếu
Loại vật liệu	Anốt hy sinh magiê điện thế cao

Hạng mục	Tham chiếu
Hợp kim	ASTM B843-M1C hoặc hợp kim magiê điện thế cao riêng theo dự án
Sản xuất	Từ magiê tinh khiết 99%, theo yêu cầu tham chiếu ASTM B843-M1C
Thử điện hóa	ASTM G97 hoặc phương pháp được dự án duyệt
Dạng cung cấp	Anốt trần hoặc cụm đóng gói sẵn

Điện áp dẫn động cao cho phép đạt mức bảo vệ lớn hơn với ít anốt hơn. Sản phẩm phù hợp đất khô/cát có điện trở suất có thể vượt 2,000 ohm-cm, hoặc kết cấu thép có nhiều điểm ăn mòn tập trung.

Chỉ tiêu	Giá trị tham chiếu
Điện áp hở mạch	1.70-1.75 V
Điện áp kín mạch	1.58-1.62 V
Dung lượng	1100 A.h/kg (500 A.h/lb)
Hiệu suất dòng	Tối thiểu 50%

Điện áp và thông số điện hóa phải xác nhận theo phương pháp thử, điện cực so sánh, yêu cầu dự án và đơn hàng áp dụng.

Thành phần hóa học

Sản xuất từ magiê tinh khiết 99% theo yêu cầu tham chiếu ASTM B843-M1C.

Nguyên tố	Hàm lượng (%)
Nhôm (Al)	Tối đa 0.010
Mangan (Mn)	0.500-1.300
Kẽm (Zn)	-
Silic (Si)	Tối đa 0.050
Đồng (Cu)	Tối đa 0.020
Sắt (Fe)	Tối đa 0.030
Niken (Ni)	Tối đa 0.001
Tạp chất đơn lẻ	Tối đa 0.050
Các tạp chất khác	Tối đa 0.300
Magiê (Mg)	Phần còn lại

Có thể kiểm soát theo ASTM B843-M1C, yêu cầu khách hàng hoặc riêng dự án. Chứng chỉ vật liệu có thể cung cấp theo yêu cầu.

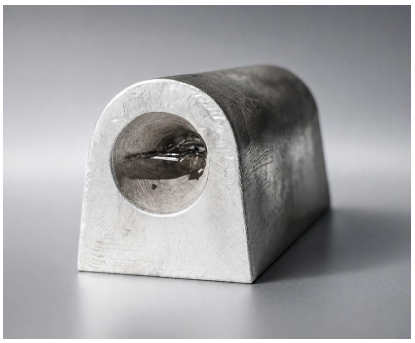
Cấu tạo anốt

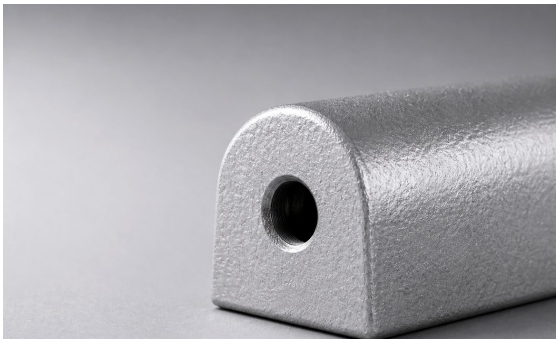
Anốt trần: thân hợp kim magiê đúc kèm lõi thép hoặc vùng nối cáp theo thiết kế yêu cầu.

Cụm đóng gói sẵn: thân magiê, lõi thép/chi tiết nối, mối nối cáp, làm kín và bảo vệ cáp, hỗn hợp vật liệu lấp chuyên dụng, túi cotton hoặc bao gói được duyệt.

Loại, tiết diện, chiều dài cáp theo dự án. Tùy chọn phổ biến gồm XLPE/PVC hoặc loại được dự án quy định khác.









Kích thước anốt và bao gói dòng HP - ASTM B843 M1C

Mã hàng / mẫu	Anốt R × C × D	Khối lượng tịnh	Bao gói Ø × D	Khối lượng cả bì
CP-MG-3 / HP 3D3	89 × 95 × 127 mm; 3.5 × 3.75 × 5 in	1.4 kg / 3 lb	152 × 254 mm; 6 × 10 in	Chờ xác nhận
CP-MG-5 / HP 5D5	89 × 95 × 216 mm; 3.5 × 3.75 × 8.5 in	2.3 kg / 5 lb	152 × 305 mm; 6 × 12 in	Chờ xác nhận
CP-MG-9 / HP 9D3	89 × 95 × 356 mm; 3.5 × 3.75 × 14 in	4.1 kg / 9 lb	152 × 432 mm; 6 × 17 in	Chờ xác nhận
CP-MG-17 / HP 17D3	89 × 95 × 654 mm; 3.5 × 3.75 × 25.75 in	7.7 kg / 17 lb	191 × 864 mm; 7.5 × 34 in	Chờ xác nhận
CP-MG-20 / HP 20D2	70 × 76 × 1518 mm; 2.75 × 3 × 59.75 in	9.1 kg / 20 lb	127 × 1676 mm; 5 × 66 in	Chờ xác nhận
CP-MG-32 / HP 32D5	140 × 127 × 521 mm; 5.5 × 5 × 20.5 in	14.5 kg / 32 lb	203 × 711 mm; 8 × 28 in	Chờ xác nhận
CP-MG-32 / HP 32D3	89 × 95 × 1149 mm; 3.5 × 3.75 × 45.25 in	14.5 kg / 32 lb	165 × 1346 mm; 6.5 × 53 in	Chờ xác nhận
CP-MG-40 / HP 40D3	89 × 95 × 1518 mm; 3.5 × 3.75 × 59.75 in	18.1 kg / 40 lb	165 × 1676 mm; 6.5 × 66 in	Chờ xác nhận
CP-MG-48 / HP 48D5	140 × 146 × 787 mm; 5.5 × 5.75 × 31 in	21.8 kg / 48 lb	203 × 965 mm; 8 × 38 in	Chờ xác nhận
CP-MG-60 / HP 4x4x60	102 × 102 × 1524 mm; 4 × 4 × 60 in	27.2 kg / 60 lb	178 × 1626 mm; 7 × 64 in	Chờ xác nhận

Mọi khối lượng/kích thước là danh nghĩa. Khối lượng cả bì dòng HP xác nhận khi đặt hàng vì phụ thuộc khối lượng thể tích vật liệu lấp và quy cách bao gói của khách hàng. Có thể mua anốt trần hoặc kèm vật liệu lấp.

Đặt hàng và tùy chỉnh

Cấu hình	Mô tả
Anốt trần	Anốt magiê đúc không kèm bao vật liệu lấp
Anốt đóng gói sẵn	Kèm cáp, hỗn hợp vật liệu lấp, túi cotton và đóng gói
Đúc theo yêu cầu	Hình dạng, cỡ lõi và kích thước theo bản vẽ khách hàng

Để xác nhận đúng cấu hình khi báo giá, cung cấp:

- Mẫu yêu cầu hoặc khối lượng và hình dạng anốt.
- Mác hợp kim/tiêu chuẩn, ví dụ ASTM B843-M1C.

- Yêu cầu anốt trần hay đóng gói sẵn.
- Loại, tiết diện và chiều dài cáp.
- Yêu cầu vật liệu lấp, khối lượng bao gói.
- Bản vẽ hoặc yêu cầu kích thước.
- Báo cáo thử, hồ sơ kiểm tra cần có.
- Cảng đến và điều kiện giao hàng.

Tùy chọn	Phạm vi tùy chỉnh
Thân anốt	Khối lượng, tiết diện D, hình thang hoặc đúc theo bản vẽ
Lõi thép/chi tiết nối	Kích thước lõi và vị trí nối
Cụm cáp	Tiết diện, loại, chiều dài và phương pháp làm kín
Bao vật liệu lấp	Khối lượng lấp, túi cotton và bao gói được dự án duyệt
Nhãn	Nhãn dự án, mã mẫu và dấu truy xuất
Hồ sơ	Gói kiểm tra đặc biệt, chứng chỉ và tài liệu kỹ thuật

Hồ sơ có thể cung cấp

Thử và kiểm tra: báo cáo thành phần hóa học; thử điện áp hở mạch; báo cáo ASTM G97 theo yêu cầu; biên bản kích thước; biên bản khối lượng.

Giao hàng: chứng nhận phù hợp; biên bản kiểm tra đóng gói; kiểm tra nối cáp; MTC theo yêu cầu; gói hồ sơ riêng dự án.

Kiểm soát chất lượng

Hạng mục	Mục đích
Thành phần hóa học	Xác minh hợp kim magiê phù hợp
Điện áp hở mạch	Xác nhận đặc tính điện thế cao
Hiệu suất dòng	Xác minh hiệu năng điện hóa khi yêu cầu
Kích thước	Xác nhận hình dạng/kích thước
Khối lượng	Xác nhận khối lượng tịnh và số lượng giao
Lõi thép/chi tiết nối	Xác nhận kết cấu và vị trí nối
Nối cáp	Xác nhận độ bền nối và chất lượng làm kín
Bề mặt	Kiểm ngoại quan vật đúc và khuyết tật nhìn thấy
Bao vật liệu lấp	Xác nhận tình trạng bao và chất lượng nạp
Nhãn/dấu	Truy xuất và nhận dạng dự án

Đóng gói, thao tác và bảo quản

Tùy chọn: anốt trần trên pallet; anốt đóng gói trong túi cotton; thùng gỗ; đóng trên pallet; thùng gỗ xuất khẩu; nhãn và ký mã hiệu dự án.

- Lưu kho khô, thông thoáng trước lắp.
- Tránh ẩm làm hỏng cụm đóng gói trước sử dụng.
- Tránh va đập mạnh khi vận chuyển/thao tác.
- Giữ nhãn nhận dạng nhìn rõ để truy xuất.
- Không làm hỏng mối nối cáp hoặc vùng làm kín.
- Tuân thủ quy trình lắp và thiết kế CP được dự án duyệt.

Thông tin và lịch sử tài liệu

Jiaozuo Huayu Magnesium Co., Ltd. | CathPro. Yêu cầu báo giá: sales@cathprocp.com | WhatsApp +86 159 7878 1890.

Rev. B | 2026-08-10: bản hiện tại. Bản trước Rev. A | 2026-04-29: cập nhật kích thước anốt/bao gói HP, thay các mẫu cũ bằng mã CathPro.